

Số: 1225/TB-LS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

Công ty đầu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn tổ chức cuộc đấu giá tài sản sau:

1. Tổ chức đấu giá tài sản: Công ty đầu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn – Địa chỉ: 111A Tân Sơn Nhì, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Người có tài sản đấu giá: Công ty Truyền Tải Điện 1 - Số 15, Phố Cửa Bắc, P.Trúc Bạch, Q.Ba Đình, Tp. Hà Nội.
3. Tên tài sản: Vật tư thiết bị thu hồi, kém mất phẩm chất, không cần dùng.
4. Giá khởi điểm:

a. Lô tài sản thanh lý là CTNH: (Lô 1.1):

- Số lượng danh mục: 144 mục
- Giá trị khởi điểm chưa có thuế GTGT: **235.059.868 đồng**

(Có chi tiết danh mục tài sản kèm theo)

b. Lô tài sản thanh lý là chất thải rắn công nghiệp phải xử lý (CTKS): (Lô 1.2):

- Số lượng danh mục: 13 mục
- Giá trị khởi điểm chưa có thuế GTGT: **10.809.987.741 đồng**

(Có chi tiết danh mục tài sản kèm theo)

c. Lô tài sản là chất thải rắn công nghiệp thông thường: (Lô 1.3):

- Số lượng danh mục: 484 mục
- Giá trị khởi điểm chưa có thuế GTGT: **5.681.793.392 đồng**

(Có chi tiết danh mục tài sản kèm theo)

Giá khởi điểm trên là giá tối thiểu để đấu giá thanh lý tài sản. Khách hàng trúng đấu giá phải tự thanh toán các loại thuế (bao gồm cả thuế GTGT), phí theo quy định; tự lo phương tiện, công cụ, trang thiết bị, nhân lực để vận chuyển hàng hoá của mình, đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ theo quy định.

5. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nhận đăng ký tham gia đấu giá: Từ 09/12/2024 đến hết 16/12/2024 (trong giờ hành chính, bao gồm cả Thứ 7) tại số 111A Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú, Tp.HCM; số 125 CMT8, Tổ 13, phường Cam Giá, Tp.Thái Nguyên, Thái nguyên; Tầng 2, C11 tổ 9, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá:

- + Đối với lô 1.1: 200.000 đồng/hồ sơ (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng / hồ sơ*)
- + Đối với lô 1.2: 500.000 đồng/hồ sơ (*Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng / hồ sơ*)
- + Đối với lô 1.3: 500.000 đồng/hồ sơ (*Bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng / hồ sơ*)

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản: ngày 12/12/2024 và ngày 13/12/2024 (trong giờ hành chính) tại nơi trưng bày và lưu giữ tài sản – Công ty Truyền tải điện 1, địa chỉ theo danh mục tài sản kèm theo.

7. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá



- Đối với lô tài sản thanh lý là chất thải nguy hại (Lô 1.1):

Là các đơn vị, tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đủ năng lực, tư cách pháp nhân, có giấy phép đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp, đủ năng lực tài chính có nhu cầu mua tài sản đấu giá, phải có giấy phép môi trường có đăng ký hoạt động dịch vụ xử lý chất thải nguy hại hoặc giấy phép xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực và vùng được cấp phép hoạt động có bao gồm các địa điểm tại nơi để tài sản đấu giá, trong đó có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phù hợp, gồm các mã chất thải: **150101, 160113, 170304** trong danh mục chất thải nguy hại (CTNH) ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

- Đối với lô tài sản thanh lý là chất thải rắn công nghiệp phải xử lý (Lô 1.2):

Là các đơn vị, tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đủ năng lực, tư cách pháp nhân, có giấy phép đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp, đủ năng lực tài chính có nhu cầu mua tài sản đấu giá, phải có giấy phép môi trường có đăng ký hoạt động dịch vụ xử lý chất thải nguy hại hoặc giấy phép xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực và vùng được cấp phép hoạt động có bao gồm các địa điểm tại nơi để tài sản đấu giá, trong đó có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phù hợp, gồm các mã chất thải: **110402** trong danh mục chất thải nguy hại (CTNH) ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

- Đối với Lô tài sản thanh lý là chất thải rắn công nghiệp thông thường (Lô 1.3):

Là các cá nhân, đơn vị, tổ chức hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu mua tài sản đấu giá.

Một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có hai (2) doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá

• Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá đến đúng thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nhận đăng ký tham gia đấu giá theo như thông báo để mua hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp kèm những giấy tờ sau:

- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao y) – đối với Lô 1.1 và Lô 1.2
- ✓ Giấy hành nghề quản lý chất thải nguy hại còn hiệu lực (bản sao y) – đối với Lô 1.1 và Lô 1.2
- ✓ CCCD/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao y) – đối với Lô 1.3
- ✓ Bản sao y CCCD và giấy ủy quyền đối với người được cử đến làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá tài sản trong trường hợp không phải là chủ doanh nghiệp.
- ✓ Đơn xin đăng ký tham gia đấu giá tài sản (theo mẫu).
- ✓ Chứng từ đã nộp tiền đặt trước (phải bổ sung trong thời hạn nộp tiền đặt trước).

• **Lưu ý:**

- Khách hàng phải mang bản chính giấy tờ để đối chiếu khi mua hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá.

Để thuận tiện cho việc bán hồ sơ và nhận hồ sơ nhanh chóng, đối với các lô tài sản phải cung cấp giấy phép hành nghề CTNH đề nghị quý khách hàng tìm trước và đánh dấu các mã chất thải và địa bàn hoạt động phù hợp với danh mục các lô tài sản.

8. Số tiền đặt trước, thời hạn nộp tiền đặt trước,:

+ Lô 1.1: 47.000.000 đồng

+ Lô 1.2: 2.161.000.000 đồng

+ Lô 1.3: 1.136.000.000 đồng.

Thời gian nộp tiền đặt trước: từ 00 giờ đến 16 giờ các ngày 16/12/2024, 17/12/2024, 18/12/2024

9. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá: đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá với phương thức trả giá lên.

10. Thời gian đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

10.1. Thời gian tổ chức đấu giá:

Lô 1.1 :14 giờ 00 phút ngày 19/12/2024

Lô 1.2: 14 giờ 30 phút ngày 19/12/2024

Lô 1.3: 15 giờ 00 phút ngày 19/12/2024

10.2. Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: tại Hội trường đấu giá Công ty đấu giá hợp danh Lam Sơn Sài Gòn: 125 đường CMT8, Tổ 13, P.Cam Giá, Tp.Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Kính mời các khách hàng có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia đấu giá tài sản trên.

Lưu ý: Thông báo này thay cho thư mời tham gia đấu giá, tham dự chứng kiến.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại nơi để tài sản;
- Niêm yết tại trụ sở Công ty, chi nhánh tại Hà Nội, chi nhánh tại Thái Nguyên
- Người có tài sản (phối hợp thực hiện);
- Người tham gia đấu giá;
- Khách mời chứng kiến;
- Lưu: VP- HS



Tổng Giám đốc

Nguyễn Chí Hiếu

DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ LÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI (CTNH)
Đợt 2 năm 2024 của Công ty Truyền tải điện 1

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã CTNH
1	Máy cắt SF6 3 pha 123kV 2000A 25kA	Bộ	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
2	Máy cắt 110 kV 3 pha loại LTB145 D1/B 3150A 40 kA/3s	Bộ	7.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
3	Máy cắt SF6 3 pha 220kV	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
4	Bộ đếm sét cho chống sét van kèm đồng hồ đo dòng rò	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
5	Khởi động từ	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
6	Rơ-le bảo vệ	Cái	10.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
7	Rơ-le các loại	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
8	Rơ-le quá dòng	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
9	Rơ-le quá dòng P122 (ALSTOM)	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
10	Rơ-le quá dòng P127 (ALSTOM)	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
11	Rơ-le quá dòng P142	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
12	Rơ-le quá dòng REF 543	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
13	Rơ-le quá dòng REX 521 GHHPH04G (ABB)	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
14	Rơ-le quá dòng 7SJ 6001	Cái	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
15	Rơ le bảo vệ quá dòng	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
16	Rơ-le bảo vệ quá dòng REF 545	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
17	Rơ-le quá dòng REF 541	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
18	Rơ le bảo vệ so lệch thanh cái 7SS522 - Siemens	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
19	Rơ le bảo vệ quá dòng 7SJ85 - Siemens	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
20	Rơ-le so lệch máy biến áp RET-521 (ABB)	Cái	7.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
21	Rơ-le bảo vệ so lệch thanh cái	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
22	Rơ-le so lệch thanh cái mức ngăn 7SS 5215	Cái	12.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
23	Rơ-le bảo vệ khoảng cách 7SA5221 (Siemens)	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
24	Rơ-le bảo vệ khoảng cách 7SA5221 (Siemens)	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
25	Rơ-le bảo vệ REL 551	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
26	Rơ-le bảo vệ khoảng cách REL 511 (ABB)	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
27	Rơ-le bảo vệ khoảng cách 7SA6111	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
28	Rơ-le bảo vệ khoảng cách P445	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
29	Rơ-le bảo vệ khoảng cách PCS902	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
30	Rơ le hơi	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
31	Rơ-le kiểm tra đồng bộ KAVS 100	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã CTNH
32	Rơ-le bảo vệ 7SV6001	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
33	Rơ-le điều khiển REF 545 (ABB)	Cái	9.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
34	Rơ le kiểm tra điện áp	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01.13
35	Biến dòng điện 35kV 25kA/3s	Cái	12.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13 17 03 04
36	Biến dòng điện 123kV	Cái	7.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13 17 03 04
37	Biến điện áp 22 kV	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13 17 03 04
38	Biến điện áp 35kV	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13 17 03 04
39	Biến điện áp 123kV	Cái	7.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13 17 03 04
40	Biến điện áp 245kV (class 0,5)	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13 17 03 04
41	Biến điện áp 220kV	Cái	15.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13 17 03 04
42	Bộ nguồn DC 12V	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
43	Công tơ điện từ 3 pha 3x 63,5/110V-3x 1 (1,2A), hiệu ELSTER-A1700	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
44	Bộ nguồn 24 V Power Supply, 24-0546-01	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
45	Bộ chuyển mạch switch	Cái	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
46	Bộ biến đổi quang điện	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
47	Cảm biến mức dầu	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
48	Bộ điều khiển mức ngăn BCU C264	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
49	Bộ điều khiển mức ngăn BCU 6MB5240	Bộ	17.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
50	Bộ điều khiển mức ngăn BCU 6MD86	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
51	Thiết bị bảo vệ xa SWT3000	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
52	Thiết bị đồng bộ thời gian từ vệ tinh (GPS)	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
53	Thiết bị điều khiển mức ngăn BCU	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
54	Rơle hơi	Cái	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
55	Rơle dòng dầu MR	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
56	Rơ le dòng dầu	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
57	Van điện từ đóng cắt dầu máy giám sát dầu online	Cái	8.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
58	Cảm biến dòng khí	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
59	Bộ điều khiển đóng cắt RPH2	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
60	Công tơ điện từ A1700 3x57.7/100V, 3x5(6)A, CCX: 0.5 - Elster	Cái	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
51	Công tơ điện từ 3P4W, A1700, Cl 0,5, 3x58/100..240/415, 3x1 (1,2)A, RS485	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
52	Công tơ điện từ 3 giá Elster A1700 loại 3x 58-100V-240/415V 3x5(10)A	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
53	Công tơ 3 pha Vision ABB A 1700 3x220/380V;3x5(6)A	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
54	Bộ phân tích khí PGA 12D	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
55	Bộ phân tích khí PGA 18	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã CTNH
66	Máy tính công nghiệp dùng cho hệ thống điều khiển tích hợp của TBA	Bộ	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	16 01 13
67	Dầu biến thế các loại	Kg	19,221.20	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	17 03 04
68	Rơ le bảo vệ quá dòng 7SJ85 - Siemens	Bộ	1.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	16 01 13
69	Rơ-le trung gian	Cái	22.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	16 01 13
70	Rơ le áp lực đột biến	Cái	1.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	16 01 13
71	Biến dòng điện trung gian	Cái	3.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	16 01 13 17 03 04
72	Biến dòng điện 500kV	Cái	3.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	16 01 13 17 03 04
73	Đèn tín hiệu trên không	Cái	12.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	16 01 13
74	Bộ thử silicagen	Cái	1.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	16 01 13
75	Khởi động từ	Cái	9.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình	16 01 13
76	Rơ le trung gian RF-4R 220VDC-4NO	Cái	8.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình	16 01 13
77	Đèn tín hiệu	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình	16 01 13
78	Router (bộ định tuyến)	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình	16 01 13
79	Bộ cảm biến nhiệt độ	Cái	60.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình	16 01 13
80	Tụ điện	Cái	4.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
81	Rơ-le so lệch máy biến áp 7UT 6135	Cái	2.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
82	Rơ le lựa chọn thời điểm đóng cắt	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
83	Biến dòng điện 24kV 1000-2000-2500/1/1/1A 25kA/1s	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13 17 03 04
84	Biến dòng điện 35V, 300-600/1A 30VA, 0,5/5P20	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13 17 03 04
85	Công tơ điện từ	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
86	Module vào/ra kết nối truyền thông	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
87	Bơ mạch	Cái	8.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
88	Bộ biến đổi quang điện	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
89	Tủ Server	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
90	Bộ điều khiển mức ngăn BCU C264	Bộ	2.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
91	Thiết bị bảo vệ xa SWT3000	Bộ	2.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
92	Màn hình máy vi tính	Cái	5.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
93	Máy đo điện trở tiếp xúc các loại	Cái	2.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
94	Camera IP	Bộ	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
95	Xe ô tô chở người - UAZ 220695-330 đã phá dỡ một phần	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	15 01 01
96	Máy tính Server Dell Power Edge	Bộ	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
97	Máy tính HMI	Bộ	2.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
98	Máy Photocopy Toshiba E- Studio 356	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13
99	Máy Photocopy Fuji Xerox	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	16 01 13

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã CTNH
100	Rơ-le bảo vệ so lệch dọc, khoảng cách REL 561	Cái	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
101	Rơ-le bảo vệ khoảng cách REL 531, V2.5 ABB	Cái	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
102	Rơ le trung gian RF-4R 220VDC-4NO	Cái	4.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
103	Rơ le lựa chọn thời điểm đóng cắt	Cái	2.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
104	Rơ-le điều khiển REF 545 (ABB)	Cái	3.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
105	Rơ le trung gian 220VDC 4NO/NC	Cái	14.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
106	Biến dòng điện 123kV	Cái	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13 17 03 04
107	Biến điện áp 24 kV 3P 0.5	Cái	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13 17 03 04
108	Biến điện áp 24kV 22kV:sqrt(3)/110V:sqrt(3) cl. 0,5-25VA&cl. 3P-25VA	Cái	2.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13 17 03 04
109	Công tơ điện tử	Cái	5.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
110	Tủ nạp ắc quy 220VAC/48VDC	Cái	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
111	Tủ chỉnh lưu 380VAC/220VDC-100A	Bộ	2.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
112	Màn hình LCD của BCU	Cái	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
113	Màn hình rơ le bảo vệ so lệch	Cái	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	16 01 13
114	Máy cắt 110kV	Bộ	1.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	16 01 13
115	Miếng lọc Teflon Filter	Cái	4.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	16 01 13
116	Rơ-le các loại	Cái	4.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	16 01 13
117	Rơle bảo vệ quá dòng PCS 9611	Cái	1.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	16 01 13
118	Biến dòng điện 123kV	Cái	2.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	16 01 13 17 03 04
119	Bình tụ 565kVAr 15000V Cooper	Cái	1.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	16 01 13
120	Rơ-le trung gian	Cái	12.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
121	Công tơ điện tử	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
122	Bình tụ	Cái	2.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
123	Bộ cảm biến nhiệt độ	Cái	7.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
124	CPU máy tính các loại	Cái	7.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
125	Máy biến áp tự dòng 10/0,4kV 30kVA	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13 17 03 04
126	Ổ cứng	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
127	Màn hình máy vi tính	Cái	5.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
128	Tổng đài điện thoại	Bộ	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
129	Máy in Laser	Cái	2.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13
130	Máy Scan HP	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	16 01 13

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã CTNH
131	Máy cắt SF6 3 pha 35kV 630A	Cái	1.00	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An	16 01 13
132	Biến dòng điện 35kV 31,5kA/1s 5P20	Cái	1.00	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An	16 01 13 17 03 04
133	Biến điện áp 24 kV 3P 0.5	Cái	3.00	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An	16 01 13 17 03 04
134	Rơ-le bảo vệ quá dòng có hướng SEL-451	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
135	Rơ-le quá dòng SEL 751 các loại	Cái	3.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
136	Rơ-le bảo vệ khoảng cách	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
137	Rơ-le điều chỉnh điện áp	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
138	Biến dòng điện 220kV	Cái	15.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13 17 03 04
139	Module vào/ra kết nối truyền thông	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
140	Bộ chuyển đổi V-converter	Bộ	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
141	Bộ biến đổi quang điện	Cái	3.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
142	Bộ định vị sự cố	Bộ	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
143	Bộ điều khiển đóng cắt PSD-02 Siemens	Bộ	2.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
144	Đầu ghi hình camera	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	16 01 13
	Tổng cộng		144		x





DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ LÀ CHẤT THẢI PHẢI KIỂM SOÁT (CTKS)

Đợt 2 năm 2024 của Công ty Truyền tải điện 1

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho	Mã CTNH
1	Dây nhôm ACKP 400/51 mm2	Kg	132,800.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	11 04 02
2	Dây nhôm ACSR 500/64 mm2	Kg	10.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình	11 04 02
3	Dây nhôm ACSR 185 mm2 vụn	Kg	19.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	11 04 02
4	Dây nhôm ACSR 330/43 mm2	Kg	0.40	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	11 04 02
5	Dây nhôm ACSR 500 mm2 vụn	Kg	49.96	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	11 04 02
6	Dây nhôm AACSR 517 mm2 vụn	Kg	10,386.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	11 04 02
7	Dây nhôm 400 mm2 vụn	Kg	192,981.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	11 04 02
8	Dây nhôm ACSR 500/64 mm2	Kg	11.26	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ	11 04 02
9	Dây chống sét Phlox 116 mm2	Mét	9.50	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	11 04 02
10	Dây nhôm ACSR 885 mm2	Mét	1.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	11 04 02
11	Dây nhôm ACKP 400/51 mm2	Kg	20.50	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	11 04 02
12	Dây nhôm ACSR 500 mm2 vụn	Kg	27.78	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình	11 04 02
13	Dây nhôm ACKP 300/39 mm2 vụn	Kg	12,824.28	Xã Thạch Diên, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	11 04 02
	Tổng cộng		13		x



DANH MỤC VTTB ĐỀ NGHỊ THANH XỬ LÝ LÀ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG (CTTT)
Đợt 2 năm 2024 của Công ty Truyền tải điện 1

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
1	Cáp đồng bọc giáp CU/PVC-FR-PVC- S 0.6/1KV 27*2.5mm ²	Mét	38.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
2	Cáp đồng Cu/PVC 27*1,5 mm ²	Mét	24.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
3	Cáp nguồn 2x10	Mét	33.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
4	Chi tiết cột thép	Kg	77,107.50	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
5	Nhôm các loại	Kg	438.35	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
6	Nhôm phế liệu	Kg	194.50	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
7	Ống nhôm D141 gồm nhiều đoạn	Kg	414.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
8	Ống nhôm D110 gồm nhiều đoạn	Kg	990.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
9	Giá đỡ ắc quy bằng sắt	Kg	410.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
10	Trụ đỡ MBA tự dùng	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
11	Trụ đỡ máy cắt	Cái	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
12	Sứ đỡ 35kV	Cái	38.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
13	Sứ đỡ 110kV	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
14	Sứ đỡ cuộn cần 500kV	Cái	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
15	Cách điện thủy tinh IIC 160	Cái	11.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
16	Cách điện thủy tinh IIC-70	Cái	11.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
17	Cách điện thủy tinh 120kN	Cái	75.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
18	Chuỗi đỡ dây chống sét TK 70	Chuỗi	77.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
19	Chuỗi néo 110kV cho dây 2xACSR 500 không có tăng đỡ	Chuỗi	6.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
20	Chuỗi đỡ dây dẫn (không đủ bộ)	Chuỗi	6.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
21	Chuỗi néo dây chống sét TK 70 mm ²	Chuỗi	225.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
22	Phụ kiện chuỗi đỡ 2 dây nhôm 500 mm ²	Chuỗi	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
23	Phụ kiện chuỗi đỡ lèo dây dẫn DL7A	Chuỗi	29.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
24	Phụ kiện chuỗi néo dây dẫn	Chuỗi	27.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
25	Phụ kiện chuỗi néo kép dây dẫn	Chuỗi	114.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
26	Phụ kiện chuỗi néo 2 dây nhôm 500 mm ²	Chuỗi	6.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
27	Phụ kiện chuỗi sứ néo 220kV	Chuỗi	108.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
28	Phụ kiện chuỗi sứ đỡ 220kV	Chuỗi	102.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
29	Phụ kiện chuỗi đỡ kép dây dẫn	Chuỗi	6.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
30	Phụ kiện chuỗi đỡ dây chống sét	Chuỗi	123.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
31	Phụ kiện chuỗi đỡ dây OPGW 80	Chuỗi	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
32	Phụ kiện chuỗi néo dây chống sét	Chuỗi	181.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
33	Dây nhôm 805 mm ² vụn	Kg	409.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
34	Dây nhôm AAC 885 mm ² vụn	Kg	249.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
35	Dây hợp kim nhôm 288 mm ² vụn	Kg	2,000.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
36	Dây chống sét TK 70 mm ²	Kg	110,888.20	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
37	Cáp đồng Cu/PVC 1*185 mm ²	Mét	3.90	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
38	Cáp đồng Cu/PVC 1*400 mm ²	Mét	1,190.70	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
39	Cáp đồng Cu/PVC 2*4 mm ²	Mét	705.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
40	Cáp Cu/PVC/PVC-S 4x1,5mm ²	Mét	91.70	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
41	Cáp đồng Cu/PVC 3*120 mm ²	Mét	37.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
42	Cáp đồng Cu/PVC 3*240 mm ²	Mét	33.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
43	Cáp đồng Cu/PVC 3*3 mm ²	Mét	12.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
44	Cáp đồng Cu/PVC 4*2,5 mm ²	Mét	470.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
45	Cáp đồng Cu/PVC 4*6 mm ²	Mét	639.40	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
46	Cáp đồng Cu/PVC 6*1,5 mm ²	Mét	5.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
47	Khóa đỡ dây	Cái	130.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
48	Khóa đỡ dây dẫn	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
49	Khóa néo dây chống sét	Cái	18.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
50	Khóa néo (Vô+Lõi+ Pát lèo)	Cái	6.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
51	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	1,136.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
52	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	2,038.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
53	Kẹp cực máy Biến điện áp	Cái	20.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
54	Kẹp cực Máy cắt	Cái	168.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
55	Kẹp cực Biến dòng điện 500kV cho dây 3xAAC885	Cái	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
56	Dao cách ly 1 pha 123kV không tiếp đất	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
57	Dao cách ly 1 pha 110kV không tiếp đất	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
58	Dao cách ly 1 pha 245kV 2000A không tiếp đất	Bộ	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
59	Dao cách ly 1 pha 245kV 2000A 1 tiếp đất	Bộ	6.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
60	Dao cách ly 3 pha 245kV 1250A (không đủ bộ)	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
61	Dao cách ly 3 pha 245kV 1250A 31,5kA/1s 2 tiếp đất	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
62	Dao cách ly 3 pha 245kV 1250A 31,5kA/3s không tiếp đất	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
63	Dao cách ly 3 pha 245kV 1600A 2 tiếp đất	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
64	Dao cách ly 3 pha 245kV 2000A không tiếp đất	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
65	Dao cách ly 3 pha 220kV 2000A (không đủ bộ)	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
66	Dao cách ly 3 pha 245kV 2000A 31,5kA/1s 2 tiếp đất	Bộ	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
67	Dao cách ly 3 pha 245kV 2000A (không đủ bộ)	Bộ	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
68	Tủ hợp bộ dao phụ tải 24kV	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
69	Chống sét van 35kV	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
70	Chống sét van 110kV	Cái	5.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
71	Áp-tô-mát	Cái	10.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
72	Tủ điện	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
73	Cuộn cảm cao tần 550kV 2000A 0,5mH	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
74	Bu lông các loại (vật tư thu hồi)	Kg	27.36	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
75	Bu lông các loại	Cái	150.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
76	Van	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
77	Đồng hồ chỉ thị mức dầu	Cái	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
78	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ dầu máy biến áp	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
79	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ cuộn dây	Cái	18.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
80	Đồng hồ chỉ thị áp lực dầu	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
81	Quạt làm mát MBA	Cái	10.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
82	Van phòng nổ	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
83	Cánh tản nhiệt MBA 220kV	Cái	2.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
84	Lưỡi DCL 220kV	Bộ	4.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
85	Trụ cực MC 245 kV Siemens	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
86	Van điện khí Field Service Gas	Cái	8.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
87	Động cơ tích năng MC	Cái	1.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
88	Cáp đồng bọc giáp CU/PVC-Fr-PVC- S 0.6/1kV 27*2,5mm2	Mét	5.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
89	Sắt thép các loại	Kg	2.200.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
90	Cột thép-Xà đỡ thanh cái	Kg	9,020.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
91	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	2,899.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
92	Cách điện thủy tinh 160kN	Cái	2,121.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
93	Cách điện thủy tinh U-160	Cái	448.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
94	Phụ kiện chuỗi đỡ lèo dây dẫn DL7A	Chuỗi	33.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
95	Phụ kiện chuỗi néo dây dẫn	Chuỗi	93.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
96	Phụ kiện chuỗi đỡ dây dẫn	Chuỗi	150.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
97	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	546.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
98	Kẹp cực Biến dòng điện 500kV cho dây 3xAAC885	Cái	6.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
99	Đầu cáp ngoài trời	Bộ	6.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
100	Đồng hồ đếm sét	Cái	5.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
101	Tủ đầu dây ngoài trời	Cái	6.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
102	Quạt làm mát MBA	Cái	3.00	282 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
103	Sắt thép các loại	Kg	100.70	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
104	Thép thu hồi	Kg	9,365.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
105	Thép phệ liệu	Kg	52.08	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
106	Cùi sứ các loại	Cái	9.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
107	Cùi sứ 160	Cái	17.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
108	Cùi sứ U300 F9	Cái	3.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
109	Cùi sứ U 70	Cái	15.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
110	Củ sứ IIC 70	Cái	3.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
111	Củ sứ U210	Cái	3.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
112	Cáp thép mềm D 13,5	Mét	120.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
113	Cách điện Composite	Cái	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
114	Cách điện Composite 138 206-697	Cái	103.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
115	Cách điện Composite 120kN	Cái	56.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
116	Cách điện Composite 300kN	Cái	207.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
117	Tăng đơn ren	Cái	12.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
118	Cách điện thủy tinh IIC 160	Cái	1,183.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
119	Cách điện thủy tinh IIC 160	Cái	30.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
120	Cách điện thủy tinh IIC-70	Cái	42.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
121	Cách điện thủy tinh IIC-70E	Cái	579.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
122	Cách điện thủy tinh U70	Cái	31.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
123	Cách điện thủy tinh QL 70	Cái	14.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
124	Cách điện thủy tinh U-70	Cái	281.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
125	Cách điện thủy tinh U-160	Cái	311.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
126	Cách điện thủy tinh U-210B	Cái	256.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
127	Vòng đẳng thế	Cái	399.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
128	Vòng đẳng thế	Cái	400.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
129	Phụ kiện chuỗi đỡ dây dẫn	Chuỗi	16.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
130	Dây nhôm siêu nhiệt ACCC 477	Kg	20.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
131	Cáp đồng Cu/PVC 5*2,5 mm2	Mét	30.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
132	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 19x1,5mm2	Mét	30.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
133	Cáp đồng Cu/PVC 48*1,5 mm2	Mét	30.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
134	Ghíp kẹp dây dẫn RP 82-30	Cái	3.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
135	Kẹp chữ T dùng nối thiết bị với 01 dây nhôm-885mm2	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
136	Kẹp rẽ nhánh chữ T 1 dây nhôm 885 mm2	Cái	4.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
137	Khung định vị	Cái	41.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
138	Mắt nối kẹp	Cái	66.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
139	Móc treo CK 12	Cái	24.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
140	Khóa đỡ	Cái	132.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
141	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	15.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
142	Kẹp cực các loại	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
143	Đồng hồ đếm sét SC 12 (TRIDELTA) _ Không có đồng hồ đo dòng rò	Cái	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
144	Bu lông thép M12	Bộ	120.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
145	Bu lông thép M14	Bộ	50.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
146	Bu lông, êcu, vòng đệm các loại	Kg	10.80	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
147	Cửa nhà làm việc	Cái	66.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
148	Cửa sổ các loại (nhôm kính)	Cái	108.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
149	Cửa đi các loại (sắt)	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
150	Cổng sắt	Cái	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
151	Lốp xe ô tô	Cái	8.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
152	Lốp xe ô tô 225/75/16	Cái	18.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
153	Lốp xe ô tô 265/65/17	Cái	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
154	Van	Cái	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
155	Phụ tùng xe ô tô	Kg	4.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
156	Phụ tùng xe ô tô	Kg	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
157	Phụ tùng xe ô tô	Kg	11.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
158	Phụ tùng xe ô tô	Kg	4.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
159	Vòng bi các loại	Bộ	24.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
160	Bầu trợ lực phanh	Bộ	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
161	Ố bi may ơ 6212	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
162	Ống giảm sóc trước sau	Cái	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
163	Tăng bua	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
164	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ dầu máy biến áp	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
165	Cuộn liên động DCL 123kV	Cái	25.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
166	Động cơ khởi động	Cái	2.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
167	Đồng hồ đo nhiệt độ cuộn dây MBA	Bộ	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
168	Đồng hồ áp lực	Cái	4.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
169	Quạt trần	Cái	19.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
170	Tủ đựng vòi chữa cháy	Cái	12.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
171	Máy bơm nước 1 HP-Trung Quốc	Cái	1.00	Số 52 Hữu Nghị, Phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, Hòa Bình
172	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 2*35 mm2	Mét	5.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
173	Cáp đồng Cu/XLPE/PVC 4*16 mm2	Mét	5.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
174	Sắt thép các loại	Kg	18.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
175	Sắt thép các loại	Kg	1,676.05	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
176	Sắt phế liệu	Kg	5.50	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
177	Sắt phế liệu	Kg	3,422.70	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
178	Ống sắt phế liệu	Kg	275.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
179	Cùi sứ các loại	Cái	160.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
180	Đồng phế liệu	Kg	3.30	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
181	Dây đồng trần M 120	Kg	20.60	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
182	Nhôm phế liệu	Kg	9.50	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
183	Inox phế liệu	Kg	3.50	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
184	Cột thép ống mạ kẽm	Cột	15.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
185	Trụ đỡ Máy cắt 3 pha 110kV	Bộ	2.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
186	Cách điện Composite	Cái	209.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
187	Cách điện Composite 160kN	Cái	372.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
188	Vòng đẳng thế	Cái	517.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
189	Cáp đồng phế liệu	Kg	1.20	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
190	Dây đồng bọc PVC 95mm ²	Mét	9.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
191	Cáp đồng Cu/PVC 5*2,5 mm ²	Mét	115.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
192	Ống nối dây dẫn	Cái	8.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
193	Kẹp song song dây ACSR 500 mm ²	Cái	6.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
194	Khóa néo dây dẫn	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
195	Khóa néo dây chống sét	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
196	Khóa néo dây chống sét PHLOX 147	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
197	Khóa néo dây ACSR 330/53	Cái	12.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
198	Sừng phóng điện	Cái	961.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
199	Đầu cốt	Cái	12.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
200	Đầu cốt lèo 4 lỗ dây nhôm 300 mm ²	Cái	4.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
201	Kẹp cực đơn đầu sứ đỡ thanh cái cứng phi 141	Cái	6.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
202	Kẹp cực các loại	Cái	6.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
203	Nút ấn	Cái	110.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
204	khóa chuyển đổi 2 trạng thái	Cái	30.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
205	Đồng hồ đếm sét	Cái	2.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
206	Đồng hồ đo dòng rò chống sét van	Cái	20.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
207	Tủ thông tin	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
208	Tủ điện	Cái	10.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
209	Cáp thông tin	Mét	100.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
210	Cáp quang	Mét	8,036.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
211	Điện trở sấy	Cái	58.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
212	Hộp nối cáp quang	Cái	9.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
213	Aptomat và phụ kiện	Cái	90.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
214	Bu lông, ốc, vòng đệm các loại	Kg	33.30	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
215	ống nhựa các loại	Mét	195.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
216	Nhựa phế liệu	Kg	179.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
217	Cửa đi nhựa	Cái	24.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
218	Cửa sổ nhựa	Cái	48.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
219	Cửa đi các loại (sắt)	Cái	2.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
220	Lốp xe ô tô	Cái	20.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
221	Quạt thông gió 220V	Cái	18.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
222	Van	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
223	Phụ tùng xe ô tô	Kg	32.50	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
224	Kết nước	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
225	Đồng hồ chỉ thị nhiệt độ cuộn dây	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
226	Cuộn hút chốt thao tác	Cái	20.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
227	Vòng đẳng thể tròn	Cái	314.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
228	Béc phun sương	Cái	144.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
229	Cửa kính khung nhôm	M2	169.60	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
230	Máy khoan điện	Cái	2.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
231	Vòi tắm sen	Bộ	2.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
232	Quạt trần	Cái	6.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
233	Đầu dò nhiệt ngoài trời	Cái	18.00	TTĐ Đông Bắc 1 Tổ 65 khu 6 phường Hạ Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
234	Chi tiết cột thép	Kg	1,435.88	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
235	Sắt thép các loại	Kg	1,604.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
236	Sắt phế liệu	Kg	669.80	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
237	Chi tiết cột thép	Kg	28,103.11	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
238	Đồng phế liệu	Kg	4.50	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
239	Nhôm phế liệu	Kg	49.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
240	Nhôm hợp kim phế liệu	Kg	120.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
241	Tôn màu	Kg	2,545.25	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
242	Cách điện Composite 120kN	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
243	Cách điện thủy tinh IIC-120	Cái	60.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
244	Cách điện thủy tinh F160/146	Cái	164.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
245	Phụ kiện chuỗi néo dây dẫn	Chuỗi	6.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
246	Cáp đồng phế liệu	Kg	6.30	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
247	Dây nhôm siêu nhiệt ACCC 477	Kg	22.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
248	Cáp đồng PVC 2*16 mm2	Mét	40.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
249	Cáp đồng Cu/PVC 1*120 mm2	Mét	29.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
250	Cáp đồng Cu/PVC 1*120 mm2	Mét	3.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
251	Cáp đồng Cu/PVC 2*4 mm2	Mét	45.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
252	Cáp đồng Cu/PVC 2*6 mm2	Mét	20.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
253	Cáp đồng Cu/PVC 4*4 mm2	Mét	92.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
254	Áp-tô-mát	Cái	4.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
255	Áp-tô-mát 3 cực	Cái	5.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
256	Áp-tô-mát 3 cực 6A	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
257	Đồng hồ đếm sét	Cái	4.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
258	Bu lông, êcu, vòng đệm các loại	Kg	549.70	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
259	Lưỡi DCL 220kV	Bộ	3.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
260	Cuộn cắt MC 110kV	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
261	Mô tơ điện cửa cổng	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
262	Máy cắt cỏ chạy xăng	Cái	1.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
263	Bộ nạp ắc quy	Bộ	1.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
264	Máy hút bụi các loại	Cái	2.00	TTĐ Đông Bắc 2, phường Lâm Hà, quận Kiến An, TP Hải Phòng
265	Dây chống sét TK 70 mm2	Kg	1,336.90	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
266	Ống thép mạ D90*3mm, L=3,8m	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
267	Sắt thép các loại	Kg	8.26	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
268	Đồng phế liệu	Kg	79.29	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
269	Nhôm các loại	Kg	0.21	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
270	Nhôm phế liệu	Kg	0.49	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
271	Tôn màu	Kg	1,066.33	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
272	Cột đèn chiếu sáng	Cột	16.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
273	Chuỗi đỡ đơn dây dẫn 220kV	Chuỗi	36.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
274	Dây nhôm AAC 885 mm2	Kg	662.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
275	Dây nhôm AAC 885 mm2 vụn	Kg	785.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
276	Kẹp đầu nổi các loại	Cái	144.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
277	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	148.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
278	Kẹp cực dao cách ly	Cái	62.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
279	Kẹp cực Máy cắt	Cái	120.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
280	Dao cách ly 3 pha 245kV 1250A 2 tiếp đất	Bộ	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
281	Tủ đấu dây ngoài trời	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
282	Tủ điện	Cái	5.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
283	Bu lông thép mạ các loại	Bộ	1,400.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
284	ống nhựa các loại	Mét	72.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
285	Nhựa phế liệu	Kg	6.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
286	Lốp xe ô tô 225/75/16	Cái	25.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
287	Quạt làm mát MBA	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
288	Cuộn hút chốt thao tác	Cái	79.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
289	Mô tơ quạt máy điều hòa nhiệt độ	Cái	19.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
290	Cửa nhôm	Cái	1.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
291	Vòi tắm sen	Bộ	12.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
292	Camera cố định Vista	Cái	3.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
293	Quạt hút gió	Cái	19.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
294	Quạt trần	Cái	42.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
295	Bình nước nóng lạnh	Cái	11.00	Tổ 11, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
296	Cách điện Composite	Cái	8.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
297	Cách điện Composite 300kN	Cái	2.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
298	Tạ bù 50 kg	Bộ	12.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
299	Hàng kẹp mạch dòng	Cái	25.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
300	Sắt phế liệu	Kg	2,596.60	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
301	Đồng phế liệu	Kg	13.06	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
302	Nhôm phế liệu	Kg	35.98	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
303	Trụ đỡ thiết bị	Bộ	1.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
304	Cách điện thủy tinh 70kN	Cái	1,776.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
305	Cách điện thủy tinh 160kN	Cái	4,005.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
306	Chuỗi đỡ dây dẫn (không đủ bộ)	Chuỗi	228.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
307	Phụ kiện chuỗi néo dây dẫn	Chuỗi	267.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
308	Phụ kiện chuỗi đỡ đơn ĐĐ	Chuỗi	111.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
309	Dây nhôm AAC 885 mm2 vụn	Kg	282.81	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
310	Tạ bù 50 kg	Bộ	21.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
311	Kẹp cực dao cách ly	Cái	22.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
312	Kẹp cực thiết bị	Cái	3.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ
313	Dao cách ly 1 pha 123kV không tiếp đất	Bộ	3.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ
314	Chống sét van 22kV (Đồng hồ ghi sét)	Cái	3.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ
315	Vỏ tủ tụ thông tin liên lạc	Cái	6.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ
316	Vỏ tủ MK các loại	Cái	3.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ
317	Quạt trần	Cái	14.00	Tổ 10, Khu 1B, Phường Vân phú, T.p Việt trì, Tỉnh Phú Thọ
318	Sắt thép các loại	Kg	3,500.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
319	Sắt phế liệu	Kg	283.20	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
320	Sắt phế liệu	Kg	1,772.68	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
321	Thép phế liệu	Kg	2.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
322	Cùi sứ 160	Cái	72.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
323	Cùi sứ U300 F9	Cái	4.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
324	Cùi sứ U 70	Cái	731.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
325	Cùi sứ U 300	Cái	30.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
326	Cùi sứ U210	Cái	3.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
327	Đồng phế liệu	Kg	35.50	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
328	Nhôm phế liệu	Kg	29.90	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
329	Inox phế liệu	Kg	20.20	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
330	Phế liệu	Kg	32.30	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
331	Cách điện Composite	Cái	9.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
332	Cách điện Composite 120kN	Cái	95.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
333	Cách điện Composite 160kN	Cái	87.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
334	Cách điện Composite 300kN	Cái	322.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
335	Cách điện gốm U70B	Cái	63.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
336	Cách điện thủy tinh 160kN	Cái	10,699.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
337	Phụ kiện chuỗi néo dây dẫn	Chuỗi	705.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
338	Kẹp định vị 2 dây FJQ-405	Cái	46.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
339	Khóa néo dây chống sét	Cái	76.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
340	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	2,100.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
341	Tạ bù 5 kg	Bộ	265.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
342	Bộ đệm dây	Bộ	307.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
343	Bộ đệm dây cáp quang	Bộ	81.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
344	Kẹp cực thiết bị	Cái	47.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
345	Tủ điện	Cái	11.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
346	Điện trở các loại	Cái	60.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
347	Quạt thông gió 220V	Cái	9.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
348	Động cơ các loại	Cái	1.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
349	Quạt trần	Cái	25.00	số 17, ngõ 70, đường Lê Trọng Tấn, thành phố Sơn La.
350	Cáp đồng Cu/PVC 4*1,5 mm2	Mét	3.50	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
351	Sắt thép các loại	Kg	5.31	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
352	Cùi sứ các loại	Cái	107.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
353	Cùi sứ 160	Cái	42.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
354	Cùi sứ U300 F9	Cái	1.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
355	Cùi sứ U 70	Cái	8.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
356	Cùi sứ 120kN	Cái	6.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
357	Đồng phế liệu	Kg	234.60	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
358	Nhôm phế liệu	Kg	139.06	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
359	Inox phế liệu	Kg	0.40	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
360	Sứ đỡ Dao cách ly	Cái	12.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
361	Sứ đỡ 110kV	Cái	1.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
362	Vòng đẳng thế	Cái	3.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
363	Dây nhôm AAC 885 mm2	Kg	158.19	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
364	Cáp đồng Cu/PVC 10*2,5 mm2	Mét	45.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
365	Mắt nối đơn	Cái	1.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
366	Khóa đỡ dây dẫn	Cái	12.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
367	khóa néo dây dẫn ACSR 500/64; NYC-500/65	Cái	2.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
368	Nhựa phế liệu	Kg	0.16	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
369	Nhựa phế liệu	Kg	53.86	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
370	Lốp xe ôtô	Cái	2.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
371	Lốp xe ôtô 225/75/16	Cái	4.00	Phường Ninh Khánh, T.p Ninh Bình
372	Cách điện thủy tinh QL 70	Cái	317.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
373	Hộp ty dao cách ly 01 pha 220 kV 1250 A Coelme	Cái	8.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
374	Sắt thép các loại	Kg	1,667.30	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
375	Chi tiết cột thép	Kg	1,584.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
376	Củ sứ IIC 70	Cái	2.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
377	Đồng phế liệu	Kg	14.99	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
378	Nhôm các loại	Kg	7.70	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
379	Sứ đỡ Dao cách ly 110kV	Cái	2.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
380	Sứ đỡ Dao cách ly 220kV	Bộ	2.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
381	Cách điện Composite	Cái	11.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
382	Cách điện thủy tinh IIC-70	Cái	398.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
383	Cách điện thủy tinh U-70	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
384	Cách điện thủy tinh U-120	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
385	Cách điện thủy tinh 160kN	Cái	422.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
386	Cách điện thủy tinh U-210	Cái	13.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
387	Cách điện thủy tinh U-300/195DC	Cái	3.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
388	Cáp đồng Cu/PVC 1*120 mm2	Mét	5.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
389	Cáp đồng Cu/PVC 2*4 mm2	Mét	31.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
390	Cáp đồng Cu/PVC 14*1,5 mm2	Mét	135.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
391	Cáp đồng Cu/PVC 20*1,5 mm2	Mét	20.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
392	Đầu cốt	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
393	Kẹp cực thiết bị	Cái	81.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
394	Áp-tô-mát	Cái	6.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
395	Đồng hồ đếm sét	Cái	3.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
396	Tủ đấu nối trung gian	Cái	2.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
397	Điện trở sấy	Cái	58.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
398	Máy cắt cỏ chạy xăng	Cái	1.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
399	Máy bơm điện	Cái	2.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
400	Bình chữa cháy các loại	Bình	34.00	TTĐ Thanh Hóa, 78 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
401	Cùi sứ các loại	Cái	1,791.00	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An
402	Cùi sứ 160	Cái	57.00	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An
403	Củ sứ IIC 70	Cái	273.00	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An
404	Đồng phế liệu	Kg	41.49	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An
405	Nhôm phế liệu	Kg	1,692.50	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An
406	Lốp xe ô tô	Cái	22.00	Số 95 đường Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An
407	Sắt phế liệu	Kg	815.09	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
408	Nhôm phế liệu	Kg	67.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
409	Trụ đỡ cuộn kháng	Cái	8.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
410	Sứ đỡ kháng 110kV	Cái	16.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
411	Cách điện Composite	Cái	186.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
412	Cách điện thủy tinh F70/127	Cái	1,432.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
413	Cách điện thủy tinh IIC 160	Cái	44.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
414	Cách điện thủy tinh IIC-70	Cái	666.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
415	Dây điện các loại	Kg	573.10	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
416	Kẹp rẽ nhánh chữ T 1 dây nhôm 805 mm2 với 1 dây nhôm 805 mm2	Cái	4.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
417	Kẹp rẽ nhánh chữ T 1 dây nhôm 570 với 1 dây nhôm 570	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
418	Kẹp rẽ nhánh chữ T 2 dây nhôm 400 với 1 dây nhôm 400	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
419	Kẹp rẽ nhánh chữ T 1 dây nhôm 885 mm2	Cái	6.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
420	Khung định vị	Cái	12.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
421	Kẹp định vị 2 dây FJQ-405	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
422	Kẹp định vị 2 dây	Cái	7.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
423	Tạ bù	Bộ	18.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
424	Sừng phóng điện	Cái	109.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
425	Kẹp cực Biến dòng điện	Cái	30.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
426	Kẹp cực Dao cách ly và 1 dây nhôm 885 (loại nằm ngang)	Cái	38.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
427	Kẹp cực dao cách ly và 1 dây 885 SPA 203-64	Cái	34.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
428	Kẹp cực giữa ống phi 141 với DCL	Cái	6.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
429	Kẹp cực Biến dòng điện 500kV cho ống nhôm D141	Cái	3.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
430	Kẹp cực nhôm 1 dây 500 mm2 cho kháng điện 110kV	Cái	8.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
431	Dao cách ly 1 pha 110kV, kèm kẹp cực và trụ đỡ	Bộ	2.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
432	Bộ nguồn các loại	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
433	Đồng hồ đếm sét	Cái	11.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh

STT	Tên và quy cách vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Địa chỉ kho
434	Tủ điều khiển	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
435	Kẹp cực chữ T cho dây 805mm	Cái	15.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
436	Bu lông các loại (vật tư thu hồi)	Kg	17.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
437	Nhựa phế liệu	Kg	30.40	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
438	Lốp xe ô tô	Cái	7.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
439	Cuộn kháng 110kV (kèm kẹp cực)	Cuộn	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
440	Tiếp điểm tĩnh loại 2000A	Cái	23.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
441	Tiếp điểm tĩnh DCL	Cái	22.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
442	Đồng hồ đo áp lực khí SF6 cho MC	Cái	1.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
443	Vòng corona	Cái	109.00	Xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh
444	Cáp đồng Cu/PVC 1*120 mm2	Mét	8.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
445	Cáp đồng Cu/PVC 2*1,5 mm2	Mét	32.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
446	Cáp đồng Cu/PVC 4*1,5 mm2	Mét	36.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
447	Cáp đồng Cu/PVC 12*4 mm2	Mét	3.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
448	Dây nhôm AAC 240 mm2	Mét	39.00	Ngõ 14, đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
	Tổng cộng		448	